

Số: 807/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo cử nhân tài năng,  
Ngành Tài chính – Ngân hàng, Mã ngành: 7340201**

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học và Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo cử nhân tài năng Ngành Tài chính – Ngân hàng, mã ngành: 7340201.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo được quy định tại Điều 1 được áp dụng, thực hiện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

#### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH. ✓



PGS.TS Phạm Tiến Đạt



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 807/QĐ-ĐHTCM, ngày 30 tháng 3 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

- Tên chương trình (tiếng Việt): Tài chính – Ngân hàng
- Tên chương trình (tiếng Anh): Finance - Banking
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng Mã ngành: 7340201
- Định hướng đào tạo: Nghiên cứu
- Hình thức đào tạo: Chính quy – Cử nhân tài năng

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1 Mục tiêu chung:

Mục tiêu của chương trình là đào tạo sinh viên theo định hướng nghiên cứu Ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao của xã hội. Sinh viên cử nhân tài năng sau khi tốt nghiệp có nền tảng nghiên cứu tốt, có thể học thêm cao học, nghiên cứu sinh của Trường để tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng trong nước và quốc tế. Chương trình sẽ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cán bộ đầu ngành lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng làm việc trong các tổ chức kinh tế. Chương trình đào tạo lực lượng lao động chất lượng cao, đáp ứng cho nhu cầu của thị trường lao động trong xu thế hội nhập quốc tế.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể:

##### + Về kiến thức

- PO1: Vận dụng được những kiến thức công nghệ thông tin, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- PO2: Vận dụng được các lý thuyết kinh tế đối với các tình huống thực tế thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- PO3: Đánh giá được các chính sách và những vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu, đề xuất các sáng kiến có liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

##### + Về kỹ năng:

- PO4: Có kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ và các kỹ năng lập luận, vận dụng các kiến thức chung nền tảng vào giải quyết các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- PO5: Dẫn dắt, sáng tạo, chủ động giải quyết các nghiệp vụ, công việc chuyên môn trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, tinh thần học tập suốt đời.

+ *Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

- PO6: Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.
- PO7: Có đủ năng lực làm việc trong môi trường chuyên nghiệp chuyên sâu và chịu trách nhiệm đối với các quyết định của cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Chủ động tự nghiên cứu, tự học tập và có đủ kiến thức để thực hiện các công việc đảm nhiệm tại các ngân hàng, định chế tài chính, doanh nghiệp.

## **2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận các vị trí công việc có kiến thức chuyên sâu lĩnh vực tài chính ngân hàng hoặc tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu tại các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, các doanh nghiệp. Làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục về lĩnh vực kinh tế Tài chính - Ngân hàng.

## **3. CHUẨN ĐẦU RA:**

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

+ *Về kiến thức*

- PLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành.
- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản phục vụ công việc thuộc ngành được đào tạo.
- PLO3: Vận dụng được các lý thuyết và những nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực TCNH vào vận hành của tổ chức và công việc cá nhân và ứng dụng được trong thực tiễn của nền kinh tế - xã hội.
- PLO4: Đánh giá được chính sách và các vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và đề xuất các sáng kiến về những vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

+ *Về kỹ năng:*

- PLO5: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức cơ sở ngành trong việc đánh giá, phản biện các vấn đề trong công việc.
- PLO6: Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt mức 4/6, đáp ứng được yêu cầu làm việc của các ngân hàng, định chế tài chính, doanh nghiệp tại Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.
- PLO7: Đánh giá, thực hiện thành thạo các phân tích ngành để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên ngành trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- PLO8: Dẫn dắt, sáng tạo, chủ động giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng trong thực tiễn. Có khả năng cập nhật kiến thức mới, và tự nghiên cứu đáp ứng nhu cầu công việc.

+ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PLO9: Có niềm tin, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- PLO10: Có thể làm việc độc lập, hoặc làm việc nhóm trong điều kiện việc làm thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

#### 4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Thời gian học tập tối đa: 7 năm.

#### 5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 126 tín chỉ, không kể chương trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

#### 6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

**6.1 Quy trình đào tạo:** đào tạo theo tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ và Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM và Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM.

**6.2 Địa điểm đào tạo:** Các cơ sở đào tạo thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

**6.3 Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có):**

**6.4 Điều kiện tốt nghiệp:**

- **Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần:** Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM và Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM; ban hành Quy định thi kết thúc học phần và cách tính điểm các hệ, bậc đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quyết định số 3447/QĐ-ĐHTCM ngày 30/12/2022 ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- **Điều kiện về kỹ năng mềm:**

Sinh viên phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian
- Kỹ năng Thuyết trình và làm việc nhóm

- Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả
  - Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định
  - Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và tìm việc làm
  - Kỹ năng Tư duy sáng tạo
- **Điều kiện về ngoại ngữ:**

| Năm tuyển sinh | KNLNN 6 bậc Việt Nam | Khung tham chiếu Châu Âu CEFR | IELTS | TOFEL (PBT/CBT /iBT) | TOEIC           |                                    |
|----------------|----------------------|-------------------------------|-------|----------------------|-----------------|------------------------------------|
|                |                      |                               |       |                      | 02 kỹ năng      | 04 kỹ năng                         |
| 2022, 2023     | 4/6                  | B2                            | 5.5   | 500/173/61           | Nghe & Đọc: 650 | Nghe & Đọc: 650<br>Nói & Viết: 280 |
| 2024, 2025     | 4/6                  | B2                            | 6.0   | 513/183/65           | Nghe & Đọc: 670 | Nghe & Đọc: 670<br>Nói & Viết: 300 |

- **Điều kiện về tin học:**
- Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
  - Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp;
  - Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

## 7. TUYỂN SINH:

**7.1 Chỉ tiêu tuyển sinh:** Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

**7.2 Điều kiện tuyển sinh:** Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

## 8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Theo Quyết định số 3447/QĐ-ĐHTCM ngày 13/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

| STT                                                                                                         | Mã học phần | Tên học phần                                   | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|---------|
|                                                                                                             |             |                                                |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |         |
| <b>a. Kiến thức lý luận chính trị: 11 tín chỉ</b>                                                           |             |                                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| 1                                                                                                           | 140001      | Triết học Mác – Lênin                          | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 2                                                                                                           | 140002      | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                  | 2          | 1                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 70           |         |
| 3                                                                                                           | 140003      | Chủ nghĩa xã hội khoa học                      | 2          | 1                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 70           |         |
| 4                                                                                                           | 140004      | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                 | 2          | 1                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 70           |         |
| 5                                                                                                           | 140005      | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 2          | 1                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 70           |         |
| <b>b. Kiến thức pháp luật: 3 tín chỉ</b>                                                                    |             |                                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| 6                                                                                                           | 140006      | Pháp luật đại cương                            | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| <b>c. Ngoại ngữ: 18 tín chỉ</b>                                                                             |             |                                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| 7                                                                                                           | 140007      | Tiếng Anh 1                                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 8                                                                                                           | 140008      | Tiếng Anh 2                                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 9                                                                                                           | 140009      | Tiếng Anh 3                                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 10                                                                                                          | 140010      | Tiếng Anh 4                                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 11                                                                                                          | 140011      | Tiếng Anh Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng 1 | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 12                                                                                                          | 140012      | Tiếng Anh Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng 2 | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| <b>d. Toán – Tin học: 8 tín chỉ</b>                                                                         |             |                                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| 13                                                                                                          | 140013      | Toán cao cấp                                   | 4          | 3                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 140          |         |
| 14                                                                                                          | 140014      | Tin học ứng dụng                               | 4          | 1                                    | 2                  | 0                                  | 1                  | 125          |         |
| <b>e. Chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)</b> |             |                                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|---------|
|     |             |              |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |         |

**f. Chương trình Giáo dục thể chất:** (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)

## 9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80 tín chỉ

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|---------|
|     |             |              |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |         |

**a. Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ**

|    |        |                                               |   |   |   |   |   |     |  |
|----|--------|-----------------------------------------------|---|---|---|---|---|-----|--|
| 15 | 140015 | Kinh tế vi mô 1                               | 3 | 2 | 1 | 0 | 0 | 105 |  |
| 16 | 140016 | Kinh tế vĩ mô 1                               | 3 | 2 | 1 | 0 | 0 | 105 |  |
| 17 | 140017 | Nguyên lý kế toán                             | 3 | 2 | 1 | 0 | 0 | 105 |  |
| 18 | 140018 | Nguyên lý marketing                           | 3 | 2 | 1 | 0 | 0 | 105 |  |
| 19 | 140019 | Quản trị học                                  | 3 | 2 | 1 | 0 | 0 | 105 |  |
| 20 | 140020 | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 | 3 | 2 | 1 | 0 | 0 | 105 |  |
| 21 | 140021 | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng       | 3 | 2 | 1 | 0 | 0 | 105 |  |

**b. Kiến thức ngành: 29 tín chỉ. Học trực tuyến (QĐ 2100 11/8/2022)**

**Học phần bắt buộc**

|    |        |                        |   |   |   |   |   |     |  |
|----|--------|------------------------|---|---|---|---|---|-----|--|
| 22 | 140022 | Phương pháp nghiên cứu | 3 | 2 | 0 | 1 | 0 | 90  |  |
| 23 | 140023 | Tài chính công         | 3 | 2 | 1 | 0 | 0 | 105 |  |
| 24 | 140024 | Kinh tế lượng          | 3 | 2 | 0 | 0 | 1 | 90  |  |



| STT                                  | Mã học phần                         | Tên học phần                             | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú                 |
|--------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------|
|                                      |                                     |                                          |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |                         |
| 37a                                  | 140037                              | Phân tích Tài chính doanh nghiệp         | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | Chọn 3 trong 5 học phần |
| 37b                                  | 140038                              | Đầu tư tài chính                         |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 37c                                  | 140039                              | Thẩm định dự án đầu tư                   |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 37d                                  | 140040                              | Hợp nhất và sáp nhập                     |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 37e                                  | 140041                              | Quản trị rủi ro tài chính                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 38a                                  | 140042                              | Quản trị ngân hàng                       | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | Chọn 3 trong 5 học phần |
| 38b                                  | 140043                              | Kinh doanh ngoại hối                     |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 38c                                  | 140044                              | Xếp hạng tín dụng                        |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 38d                                  | 140045                              | Thị trường chứng khoán phái sinh         |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 38e                                  | 140046                              | Định phí bảo hiểm                        |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| d. Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ |                                     |                                          |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
|                                      | Nhóm 1: Chọn 1 trong 4 học phần sau |                                          |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 40a                                  | 140047                              | Tài chính hành vi                        | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 40b                                  | 140048                              | Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 40c                                  | 140049                              | Quản trị rủi ro các định chế tài chính   | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 40d                                  | 140050                              | Ngân hàng quốc tế                        | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| Nhóm 2: Chọn 1 trong 4 học phần sau  |                                     |                                          |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 41a                                  | 140051                              | Công nghệ tài chính                      | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |

| STT | Mã học phần | Tên học phần               | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|---------|
|     |             |                            |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |         |
| 41b | 140052      | Ngân hàng số               | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 41c | 140053      | Quản trị tài chính cá nhân | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 41d | 140054      | Kế toán ngân hàng          | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |

### 9.3 Tốt nghiệp: 6 tín chỉ

| STT | Mã học phần | Tên học phần         | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                   |              | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|-------------------|--------------|---------|
|     |             |                      |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, MP, DN | Tự học (giờ) |         |
| 42  | 140055      | Khóa luận tốt nghiệp | 6          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 6                 | 0            |         |

#### Trong đó:

- Tổng CTDĐT: 126 tín chỉ. Số tín chỉ lý thuyết 101 tín chỉ, thực hành 25 tín chỉ, số tín chỉ thực hành chiếm 20%. (Tin học: 1, Ngành: 8, Chuyên ngành: 10, KLTN/TTCK và thay thế khóa luận: 6)
- Các học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh: 6 học phần (Thị trường chứng khoán; Tài chính doanh nghiệp 1; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp 2; Thanh toán quốc tế; Thẩm định tín dụng) và 6 học phần Tiếng Anh (Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, Tiếng Anh Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng 1, 2). Tổng các học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh chiếm tỷ lệ: 29%.

**9.4 Kế hoạch giảng dạy:****Năm 1**

| STT | HỌC PHẦN                                      | TC        | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC    | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------------------------|-----------|-----------------------|---------|
| 1   | Triết học Mác – Lênin                         | 3         |                       |         |
| 2   | Kinh tế vi mô 1                               | 3         |                       |         |
| 3   | Tiếng Anh 1                                   | 3         |                       |         |
| 4   | Toán cao cấp                                  | 4         |                       |         |
| 5   | Giáo dục quốc phòng                           | 8         |                       |         |
| 6   | Giáo dục thể chất                             | 1         |                       |         |
| 7   | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                 | 2         | Triết học Mác – Lênin |         |
| 8   | Pháp luật đại cương                           | 3         |                       |         |
| 9   | Tiếng Anh 2                                   | 3         | Tiếng Anh 1           |         |
| 10  | Quản trị học                                  | 3         |                       |         |
| 11  | Kinh tế vĩ mô 1                               | 3         |                       |         |
| 12  | Nguyên lý Marketing                           | 3         |                       |         |
| 13  | Nguyên lý kế toán                             | 3         |                       |         |
| 14  | Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính 1  | 3         |                       |         |
| 15  | Tin học ứng dụng                              | 4         |                       |         |
| 16  | Giáo dục thể chất                             | 1         |                       |         |
|     | <b>Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất)</b> | <b>40</b> |                       |         |

**Năm 2**

| STT | HỌC PHẦN                  | TC | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                                   | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------|----|------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2  | Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin |         |
| 2   | Tiếng Anh 3               | 3  | Tiếng Anh 2                                          |         |

| STT | HỌC PHẦN                                       | TC        | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                                                              | GHI CHÚ              |
|-----|------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 3   | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng        | 3         |                                                                                 |                      |
| 4   | Kinh tế lượng                                  | 3         |                                                                                 |                      |
| 5   | Tiền số và công nghệ blockchain                | 3         | Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính 1                                    |                      |
| 6   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 2         | Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học |                      |
| 7   | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm                | 2         | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1                                   |                      |
| 8   | Phương pháp nghiên cứu                         | 3         | Kinh tế vi mô 1                                                                 |                      |
| 9   | Tiếng Anh 4                                    | 3         | Tiếng Anh 3                                                                     |                      |
| 10  | Tài chính doanh nghiệp 1                       | 3         | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1                                   | Giảng bằng Tiếng Anh |
| 11  | Giáo dục thể chất                              | 1         |                                                                                 |                      |
| 12  | Tài chính công                                 | 3         |                                                                                 |                      |
| 13  | Thị trường chứng khoán                         | 3         | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1                                   | Giảng bằng Tiếng Anh |
| 14  | Ngân hàng thương mại                           | 3         | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1                                   |                      |
| 15  | Tài chính quốc tế                              | 3         | Tài chính doanh nghiệp 1                                                        | Giảng bằng Tiếng Anh |
| 16  | Tiếng Anh Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng 1 | 3         | Tiếng Anh 4                                                                     |                      |
| 17  | Giáo dục thể chất                              | 1         |                                                                                 |                      |
|     | <b>Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất)</b>  | <b>42</b> |                                                                                 |                      |

**Năm 3****1. Các học phần học chung**

| STT | HỌC PHẦN                                           | TC       | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                                                              | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                     | 2        | Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học |         |
| 2   | Ứng dụng Kinh tế lượng trong Tài chính - Ngân hàng | 3        | Kinh tế lượng                                                                   |         |
| 3   | Tiếng Anh Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng 2     | 3        | Tiếng Anh Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng 1                                  |         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>8</b> |                                                                                 |         |

**2. Các học phần kiến thức bổ trợ ngành:**

| STT                                 | HỌC PHẦN                                 | TC | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                            | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|------------------------------------------|----|-----------------------------------------------|---------|
| Nhóm 1: Chọn 1 trong 4 học phần sau |                                          |    |                                               |         |
| 1                                   | Tài chính hành vi                        | 3  | Tài chính doanh nghiệp 1                      |         |
|                                     | Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng |    | Ngân hàng thương mại                          |         |
|                                     | Quản trị rủi ro các định chế tài chính   |    | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 |         |
|                                     | Ngân hàng quốc tế                        |    | Ngân hàng thương mại                          |         |
| Nhóm 2: Chọn 1 trong 4 học phần sau |                                          |    |                                               |         |
| STT                                 | HỌC PHẦN                                 | TC | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                            | GHI CHÚ |
| 2                                   | Công nghệ tài chính                      | 3  | Tài chính doanh nghiệp 1                      |         |
|                                     | Ngân hàng số                             |    | Ngân hàng thương mại                          |         |
|                                     | Quản trị tài chính cá nhân               |    | Tài chính doanh nghiệp 1                      |         |
|                                     | Kế toán ngân hàng                        |    |                                               |         |
|                                     | Tổng                                     | 6  |                                               |         |

**3. Các học phần bắt buộc của các chuyên ngành**

| STT | HỌC PHẦN | TC | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC | GHI CHÚ |
|-----|----------|----|--------------------|---------|
|-----|----------|----|--------------------|---------|

|   |                                        |           |                          |                      |
|---|----------------------------------------|-----------|--------------------------|----------------------|
| 1 | Thanh toán quốc tế qua ngân hàng       | 3         | Ngân hàng thương mại     | Giảng bằng Tiếng Anh |
| 2 | Tài chính doanh nghiệp 2               | 3         | Tài chính doanh nghiệp 1 | Giảng bằng Tiếng Anh |
| 3 | Thẩm định tín dụng                     | 3         | Ngân hàng thương mại     | Giảng bằng Tiếng Anh |
| 4 | Phân tích dữ liệu tài chính quy mô lớn | 3         | Tài chính doanh nghiệp 1 |                      |
| 5 | Tài chính khởi nghiệp                  | 3         | Tài chính doanh nghiệp 1 |                      |
|   | <b>Tổng</b>                            | <b>15</b> |                          |                      |

**4. Các học phần tự chọn của các chuyên ngành:**

| STT                                              | HỌC PHẦN                         | TC | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC       | GHI CHÚ                 |
|--------------------------------------------------|----------------------------------|----|--------------------------|-------------------------|
| Chọn 1 trong 2 nhóm lĩnh vực:                    |                                  |    |                          |                         |
| Nhóm học phần kiến thức thuộc lĩnh vực tài chính |                                  |    |                          |                         |
| 1                                                | Phân tích Tài chính doanh nghiệp | 9  | Tài chính doanh nghiệp 1 | Chọn 3 trong 5 học phần |
|                                                  | Đầu tư tài chính                 |    |                          |                         |
|                                                  | Hợp nhất và sáp nhập             |    |                          |                         |
|                                                  | Quản trị rủi ro tài chính        |    |                          |                         |
|                                                  | Thẩm định dự án đầu tư           |    |                          |                         |
| Nhóm học phần kiến thức thuộc lĩnh vực ngân hàng |                                  |    |                          |                         |
| 2                                                | Xếp hạng tín dụng                | 9  | Ngân hàng thương mại     | Chọn 3 trong 5 học phần |
|                                                  | Thị trường chứng khoán phái sinh |    |                          |                         |
|                                                  | Kinh doanh ngoại hối             |    |                          |                         |
|                                                  | Quản trị ngân hàng               |    |                          |                         |
|                                                  | Định phí bảo hiểm                |    |                          |                         |

| STT | HỌC PHẦN    | TC       | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC | GHI CHÚ |
|-----|-------------|----------|--------------------|---------|
|     | <b>Tổng</b> | <b>9</b> |                    |         |

**Năm 4**

Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC

| STT | HỌC PHẦN             | TC | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC               | GHI CHÚ |
|-----|----------------------|----|----------------------------------|---------|
| 1   | Khóa luận tốt nghiệp | 6  | Tất cả các học phần chuyên ngành |         |

**10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO****10.1 Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo****❖ Tổ chức thực hiện đào tạo**

Chương trình đào tạo được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2023, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Phòng QLĐT chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn học phần phù hợp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

Sinh viên không đủ điều kiện để đánh giá kết quả đạt học phần sẽ phải đăng ký học lại học phần đó.

**❖ Phương pháp giảng dạy – học tập**

**Thuyết giảng:** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đào tạo theo hướng nghiên cứu, phương pháp giảng theo định hướng nghiên cứu các chính sách, các yếu tố vĩ

mô của nền kinh tế nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể tự nghiên cứu, phát triển các thể mạnh của bản thân và tham gia các cuộc thi, học lên các cấp cao hơn, làm nghiên cứu....

**Tranh luận:** là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

**Phương pháp dạy học nhóm:** Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp sinh viên. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Sinh viên sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

**Phương pháp học dựa trên vấn đề:** Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, sinh viên vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

**Nghiên cứu tình huống:** Yếu tố cấu thành chủ yếu của phương pháp đào tạo mới này dựa trên các tình huống thực tế. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

## 10.2 Đảm bảo chất lượng đào tạo

### ❖ Cơ sở vật chất, công nghệ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

**Các cơ sở, phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng mô phỏng, trang thiết bị phục vụ giảng dạy**

### ❖ Diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

| STT       | Nội dung                                                         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Hình thức sử dụng        |                            |                        |
|-----------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------|
|           |                                                                  |                             | Sở hữu (m <sup>2</sup> ) | Liên kết (m <sup>2</sup> ) | Thuê (m <sup>2</sup> ) |
| 1         | Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng                 | 64.972,9                    | 62.472,9                 |                            | 2.500                  |
| Trong đó: |                                                                  |                             |                          |                            |                        |
| a         | 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM               | 13.144,3                    | 13.144,3                 |                            |                        |
| b         | 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM                 | 9.160                       | 9.160                    |                            |                        |
| c         | B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM    | 39.576                      | 39.576                   |                            |                        |
| d         | 306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM         | 444,6                       | 444,6                    |                            |                        |
| e         | 343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM       | 148                         | 148                      |                            |                        |
| f         | 2C Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM                   | 2.500                       |                          |                            | 2.500                  |
| 2         | Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học | 39.760                      | 32.407                   |                            | 7.353                  |
| Trong đó: |                                                                  |                             |                          |                            |                        |
| a         | 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM               | 3.747                       | 3.747                    |                            |                        |
| b         | 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM                 | 11.451                      | 11.451                   |                            |                        |
| c         | B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM    | 16.275                      | 16.275                   |                            |                        |
| d         | 306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM         | 688                         | 688                      |                            |                        |
| e         | 343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM       | 246                         | 246                      |                            |                        |

| STT | Nội dung                                       | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Hình thức sử dụng           |                               |                           |
|-----|------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|---------------------------|
|     |                                                |                                | Sở hữu<br>(m <sup>2</sup> ) | Liên kết<br>(m <sup>2</sup> ) | Thuê<br>(m <sup>2</sup> ) |
| f   | 2C Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM | 7.353                          |                             |                               | 7.353                     |

❖ Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

| STT | Tên              | Số lượng | Mục đích sử dụng                                  | Đối tượng sử dụng               | Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> ) | Hình thức sử dụng |          |       |
|-----|------------------|----------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-------------------|----------|-------|
|     |                  |          |                                                   |                                 |                                          | Sở hữu            | Liên kết | Thuê  |
| 1   | Phòng thí nghiệm | 0        |                                                   |                                 |                                          |                   |          |       |
| 2   | Phòng thực hành  | 46       | Học tin học, tiếng Anh, thực hành doanh nghiệp ảo | Sinh viên, giảng viên           | 3.409                                    | 3.409             |          |       |
| 3   | Xưởng thực tập   | 0        |                                                   |                                 |                                          |                   |          |       |
| 4   | Nhà tập đa năng  | 4        | Tập luyện thể thao                                | Học viên, sinh viên, CBVC       | 2.765                                    | 2.765             |          |       |
| 5   | Hội trường       | 6        | Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện ...           | Học viên, sinh viên, CBVC       | 3.411,3                                  | 2.771,3           |          | 640   |
| 6   | Phòng học        | 296      | Giảng dạy, học tập                                | Học viên, sinh viên, giảng viên | 24.533                                   | 18.909            |          | 5.624 |

| STT | Tên                      | Số lượng | Mục đích sử dụng                       | Đối tượng sử dụng         | Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> ) | Hình thức sử dụng |          |      |
|-----|--------------------------|----------|----------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|-------------------|----------|------|
|     |                          |          |                                        |                           |                                          | Sở hữu            | Liên kết | Thuê |
| 7   | Phòng học đa phương tiện | 0        |                                        |                           |                                          |                   |          |      |
| 8   | Thư viện                 | 3        | Phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH     | Học viên, sinh viên, CBVC | 2.817                                    | 2.417             |          | 400  |
| 9   | Trung tâm học liệu       | 0        |                                        |                           |                                          |                   |          |      |
| 10  | Các phòng chức năng khác | 42       | Phòng GV; phòng GS, PGS; phòng đa năng | CBVC, học viên, sinh viên | 2.825                                    | 2.136             |          | 689  |

❖ **Thư viện và học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)**

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m<sup>2</sup>, trong đó có 1.300 m<sup>2</sup> là diện tích phòng đọc. Thư viện được đặt tại các cơ sở:
  - Cơ sở 1: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Phú Nhuận
  - Cơ sở 2: 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
  - Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức.
- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0
- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:
  - Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
  - Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.
  - Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
  - Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.
  - Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.
  - Tài liệu thuê quyền truy cập từ NXB Tổng hợp: 300

| STT   | Nội dung                                                                             | Số lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Số phòng đọc                                                                         | 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2     | Số chỗ ngồi đọc                                                                      | 300                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3     | Số máy tính của thư viện phục vụ tra cứu                                             | 101                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4     | Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí) | 21.177                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4.1   | Tài liệu dạng in                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4.1.1 | Sách                                                                                 | 17.235 tựa/ 56.434 bản                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4.1.2 | Luận văn Thạc sĩ                                                                     | 2.417                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4.1.3 | Chuyên đề tốt nghiệp                                                                 | 1.480                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4.1.4 | Báo - tạp chí                                                                        | 1 báo, 31 tựa tạp chí và bản tin                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 4.2   | Tài liệu điện tử                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4.2.1 | Luận văn Thạc sĩ                                                                     | 2.207                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4.2.2 | Bài trích Báo – Tạp chí                                                              | 411                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4.2.3 | Chuyên đề tốt nghiệp                                                                 | 99                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4.2.4 | Sách, tài liệu nghiên cứu khoa học                                                   | 167                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4.2.5 | Cơ sở dữ liệu                                                                        | Nasati (Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, ScienceDirect, Scopus, ProQuest Central, IEEE Xplore Digital Library, SpringerNature ...)<br>Emerald<br>Sage<br>Bộ Dữ liệu Kinh tế - Tài chính - Vĩ mô (FinPro) |
| 5     | Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường                                            | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

❖ **Học liệu***Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong chương trình đào tạo*

| STT | Tên Giáo trình                                                                                              | Tên tác giả                                                  | Nhà xuất bản               | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                                            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1   | Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ không chuyên lý luận chính trị)            | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                       |                            | 2021         | Triết học Mác – Lênin                                           |
| 2   | Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin                                                                        | Trường Đại học Tài chính – Marketing                         |                            | 2021         | Triết học Mác – Lênin                                           |
| 3   | Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)                     |                                                              | Chính trị Quốc gia sự thật | 2021         | Triết học Mác – Lênin                                           |
| 4   | Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin                                                                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                       | Chính trị Quốc gia sự thật | 2021         | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                                   |
| 5   | Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII                                                            | Đảng Cộng sản Việt Nam                                       | Chính trị Quốc gia         | 2021         | Kinh tế chính trị Mác – Lênin<br>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 6   | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường Đại học - Hệ không chuyên lý luận chính trị) | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                       |                            | 2021         | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                       |
| 7   | Tài liệu học tập Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học                                                         | Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài chính – Marketing | Lưu hành nội bộ            | 2020         | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                       |

|    |                                                                                                        |                                                           |                    |      |                                |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|------|--------------------------------|
| 8  | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường ĐH – Hệ không chuyên lý luận chính trị) | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                    |                    | 2021 | Chủ nghĩa xã hội khoa học      |
| 9  | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học                                                                   | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                    | Chính trị Quốc gia | 2021 | Chủ nghĩa xã hội khoa học      |
| 10 | Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)               | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                    | Chính trị Quốc gia | 2021 | Tư tưởng Hồ Chí Minh           |
| 11 | Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh (lưu hành nội bộ)                                                | Trường ĐH Tài chính-Marketing,                            | Lưu hành nội bộ    | 2021 | Tư tưởng Hồ Chí Minh           |
| 12 | Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII                            | Đảng Cộng sản Việt Nam                                    | Chính trị Quốc gia |      | Tư tưởng Hồ Chí Minh           |
| 13 | Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 1 – 15)                                                                      |                                                           | Chính trị Quốc gia | 2011 | Tư tưởng Hồ Chí Minh           |
| 14 | Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                              |                                                           | Chính trị Quốc gia | 2021 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 15 | Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (lưu hành nội bộ)                                      | Trường Đại học Tài chính – Marketing                      | Lưu hành nội bộ    | 2021 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 16 | Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                              | Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia | Chính trị Quốc gia | 2018 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 17 | Tập bài giảng Pháp luật đại cương                                                                      | Bộ môn Luật, Trường Đại học Tài chính – Marketing         | Lưu hành nội bộ    |      | Pháp luật đại cương            |

|    |                                                                                                                                                                                                                                         |                                           |                                       |      |                     |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|------|---------------------|
| 18 | Giáo trình lí luận nhà nước và pháp luật                                                                                                                                                                                                | Trường Đại học Luật Hà Nội                | Công an nhân dân                      |      | Pháp luật đại cương |
| 19 | Giáo trình Pháp luật đại cương                                                                                                                                                                                                          | Khoa luật - ĐH Kinh tế quốc dân           | Đại học Kinh tế quốc dân              |      | Pháp luật đại cương |
| 20 | Giáo trình Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế                                                                                                                                                                  | Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh | Hồng Đức                              | 2012 | Pháp luật đại cương |
| 21 | Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng                                                                                                                                                                 | Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh       | Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam      | 2014 | Pháp luật đại cương |
| 22 | Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam                                                                                                                                                                                                 | Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh | Hồng Đức                              | 2013 | Pháp luật đại cương |
| 23 | Các văn bản dưới Luật:<br>Hiến pháp 2013 Bộ luật Dân sự 2015<br>- Bộ luật Tố tụng dân sự 2015<br>- Bộ luật Lao động 2019<br>- Luật Ban hành văn bản QLPL 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)<br>- Các văn bản dưới luật có liên quan. |                                           |                                       |      | Pháp luật đại cương |
| 24 | Personal Best – Student's book - B1 <sup>+</sup> (A) Intermediate                                                                                                                                                                       | Burton, G.                                | Richmond                              | 2017 | Tiếng Anh 1         |
| 25 | Personal Best – Workbook – B1 <sup>+</sup> (A) Intermediate                                                                                                                                                                             | Walter, E., & Woodford, K.                | Richmond                              | 2018 | Tiếng Anh 1         |
| 26 | Speaking for Ielts.                                                                                                                                                                                                                     | Kovacs, K.                                | HarperCollins Publishers: Hammersmith | 2011 | Tiếng Anh 1         |

|    |                                                                   |                                                                |                                       |      |                   |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|-------------------|
| 27 | Personal Best – Student's book – B1 <sup>+</sup> (B) Intermediate | Burton, G.                                                     | Richmond                              | 2017 | Tiếng Anh 2       |
| 28 | Personal Best – Workbook – B1 <sup>+</sup> (B) Intermediate       | Walter, E., & Woodford                                         | Richmond                              | 2018 | Tiếng Anh 2       |
| 29 | Speaking for IELTS                                                | Kovacs, K.                                                     | HarperCollins Publishers: Hammersmith | 2011 | Tiếng Anh 2       |
| 30 | Personal Best – Student's book – B2 (A) Upper Intermediate        | Burton, G                                                      | Richmond                              | 2017 | Tiếng Anh 3       |
| 31 | Personal Best – Workbook – B2 (A) Upper Intermediate              | Walter, E., & Woodford, K                                      | Richmond                              | 2018 | Tiếng Anh 3       |
| 32 | Speaking for IELTS                                                | Kovacs, K.                                                     | HarperCollins Publishers: Hammersmith | 2011 | Tiếng Anh 3       |
| 33 | Personal Best – Student's book – B2 (B) Upper Intermediate        | Burton, G                                                      | Richmond                              | 2017 | Tiếng 4           |
| 34 | Personal Best – Workbook – B2 (B) Upper Intermediate              | Walter, E., & Woodford, K                                      | Richmond                              | 2018 | Tiếng Anh 4       |
| 35 | Speaking for IELTS                                                | HarperCollins Publishers: Hammersmith                          | Kovacs, K                             | 2011 | Tiếng Anh 4       |
| 36 | Giáo trình Toán cao cấp                                           | Nguyễn Huy Hoàng                                               | Tài chính                             | 2022 | Toán cao cấp      |
| 37 | Fundamental Methods of Mathematical Economics                     | Alpha C.Chiang                                                 | McGraw-Hill                           |      | Toán cao cấp      |
| 38 | Tin học đại cương hướng đến chuẩn Mos và IC3                      | Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Trần | Khoa CNTT Lưu hành nội bộ             | 2018 | Tin học đại cương |

|    |                                   |                                                                                                                      |                    |      |                      |
|----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------|----------------------|
|    |                                   | Thanh San,<br>Đinh Xuân<br>Thọ, Nguyễn<br>Thanh Trường                                                               |                    |      |                      |
| 39 | Hướng dẫn tự học Kinh tế<br>vi mô | Trần Nguyễn<br>Ngọc Anh Thu                                                                                          | Tài chính          | 2022 | Kinh tế vi<br>mô 1   |
| 40 | Kinh tế học Vi mô                 | David Begg,<br>Stanley<br>Fischer and<br>Rudiger<br>Dornbusch<br>(Nhóm giảng<br>viên ĐH Kinh<br>tế Quốc dân<br>dịch) | Thống kê           | 2018 | Kinh tế vi<br>mô 1   |
| 41 | Kinh tế vi mô                     | Lê Bảo Lâm                                                                                                           | Kinh tế<br>TpHCM   | 2017 | Kinh tế vi<br>mô 1   |
| 42 | Hướng dẫn tự học Kinh tế<br>vĩ mô | Trần Nguyễn<br>Ngọc Anh Thu                                                                                          | Tài chính<br>2022  | 2018 | Kinh tế vĩ<br>mô 1   |
| 43 | Kinh tế học Vĩ mô                 | Nhóm giảng<br>viên Khoa<br>Kinh tế học,<br>trường Đại học<br>Kinh tế quốc<br>dân dịch                                | Thống kê           | 2018 | Kinh tế vĩ<br>mô 1   |
| 44 | Giáo trình Nguyên lý kế<br>toán   | TS Ngô Thị<br>Mỹ Thúy                                                                                                | Tài chính          | 2022 | Nguyên lý<br>kế toán |
| 45 | Giáo trình Nguyên lý Kế<br>toán   | Khoa Kế toán<br>Kiểm toán,<br>trường Đại học<br>Tài chính –<br>Marketing                                             | Lưu hành nội<br>bộ | 2017 | Nguyên lý<br>kế toán |
| 46 | Bài tập Nguyên lý Kế<br>toán      | Khoa Kế toán<br>Kiểm toán,<br>trường Đại học<br>Tài chính –<br>Marketing                                             | Lưu hành nội<br>bộ | 2017 | Nguyên lý<br>kế toán |

|    |                                                        |                                                                             |                          |      |                                              |
|----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------|----------------------------------------------|
| 47 | Nguyên lý kế toán                                      | Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM                                               | Thống Kê                 | 2017 | Nguyên lý kế toán                            |
| 48 | Nguyên lý kế toán                                      | Vũ Hữu Đức (c.b); Lê Thị Khoa Nguyên; Lê Thị Minh Châu; ...và nhiều tác giả | Lao động                 | 2017 | Nguyên lý kế toán                            |
| 49 | Luật kế toán                                           |                                                                             | Chính trị quốc gia       | 2018 | Nguyên lý kế toán                            |
| 50 | Nguyên lý Marketing                                    | Tập thể khoa Marketing Trường ĐH Tài chính – Marketing                      | Thống kê                 | 2012 | Nguyên lý marketing                          |
| 51 | Giáo trình Quản trị học                                | Cảnh Chí Hoàng                                                              | Lưu hành nội bộ          | 2021 | Quản trị học                                 |
| 52 | Quản trị học                                           | Khoa QTKD, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM                                    | Kinh tế Tp.HCM           | 2015 | Quản trị học                                 |
| 53 | Những cốt yếu của quản lý                              | Harold Koontz và cộng sự                                                    | Khoa học Kỹ thuật Hà Nội | 1998 | Quản trị học                                 |
| 54 | Quản trị học                                           | Phan Thắng & Nguyễn Thanh Hội                                               | Hồng Đức                 | 2012 | Quản trị học                                 |
| 55 | Bài giảng Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1 | Bộ môn Tài chính – tiền tệ, Khoa Tài chính ngân hàng                        | Lưu hành nội bộ          |      | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1 |
| 56 | The Economics of Money, Banking and Financial Markets  | Frederic S.Mishkin                                                          | Pearson/Addison-Wesley   | 2013 | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1 |

|    |                                                |                                                                   |                  |      |                                              |
|----|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------|------|----------------------------------------------|
| 57 | Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính      | Nguyễn Văn Tiễn                                                   | Lao động         | 2016 | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1 |
| 58 | Nhập Môn Tài chính – Tiền tệ                   | Sử Đình Thành và Vũ Thị Minh Hằng, Trường Đại học quốc gia Hà Nội | Lao động xã hội  | 2014 | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1 |
| 59 | Essentials of Corporate Financial Management   | Glen Arnorld                                                      | Pearson          | 2013 | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1 |
| 60 | Public Finance                                 | David Hyman                                                       | Cengage learning | 2010 | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1 |
| 61 | Thị trường tài chính                           | Jeff Madura                                                       | Cengage          | 2015 | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1 |
| 62 | Giáo trình Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán | Nguyễn Huy Hoàng                                                  | Tài chính        | 2022 | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng      |
| 63 | Kinh doanh Ngoại hối                           | Phạm Quốc Việt                                                    | NXB Tài Chính    | 2016 | Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế      |
| 64 | Ngân hàng thương mại                           | Trần Huy Hoàng                                                    | NXB Tài Chính    | 2019 | Ngân hàng thương mại                         |
| 65 | Ngân hàng Trung ương                           | Trần Huy Hoàng                                                    | NXB Tài Chính    | 2018 | Ngân hàng Trung ương                         |
| 66 | Quản trị ngân hàng thương mại                  | Trần Huy Hoàng                                                    | NXB LĐXH         | 2014 | Quản trị ngân hàng, Quản trị rủi             |

|    |                                                   |                                    |                        |      |                                                                             |
|----|---------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                   |                                    |                        |      | ro ngân hàng và Basel.                                                      |
| 67 | Thị trường chứng khoán                            | Phạm Tiến Đạt                      | NXB Tài Chính          | 2021 | Thị trường chứng khoán. Kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính |
| 68 | Thẩm định tín dụng                                | Trần Huy Hoàng                     | NXB Tài Chính          | 2020 | Thẩm định tín dụng                                                          |
| 69 | Ngân hàng quốc tế 1                               | Trần Huy Hoàng<br>Lê Thị Thuý Hằng | NXB Tài Chính          | 2020 | Thanh toán quốc tế qua ngân hàng, Ngân hàng quốc tế                         |
| 70 | Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng          | Lê Thị Thuý Hằng                   | NXB Tài Chính          | 2022 | Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng                                    |
| 71 | Thị trường chứng khoán phái sinh                  | Trần Huy Hoàng                     | NXB Tài Chính          | 2022 | Thị trường chứng khoán phái sinh                                            |
| 72 | Xếp hạng tín dụng                                 | Phan Thị Hằng Nga                  | NXB Tài Chính          | 2021 | Xếp hạng tín dụng                                                           |
| 73 | Mastering the Business of Global Trade            | Thomas A. Cook                     | Taylor & Francis Group | 2016 | Thanh toán quốc tế qua ngân hàng, Ngân hàng quốc tế                         |
| 74 | Investment Banks, Hedge Funds, and Private Equity | David Stowell                      | Academic Press         | 2017 | Ngân hàng đầu tư                                                            |
| 75 | The Handbook of Banking Technology                | Tim Walker, Lucian Morris          | John Wiley & Sons Ltd  | 2021 | Ngân hàng số                                                                |

## ❖ Giảng viên tham gia giảng dạy:

| STT | KHOA CHUYÊN MÔN          | SỐ LƯỢNG GV |         | HỌC PHẦN GIẢNG DẠY                                                                                                                                                    |
|-----|--------------------------|-------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                          | PGS/TS      | Thạc sĩ |                                                                                                                                                                       |
| 1   | Khoa Lý luận chính trị   | 4           | 14      | Triết học Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam; Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam |
| 2   | Khoa Kinh tế - Luật      | 10          | 30      | Pháp luật đại cương, Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng, Kinh tế lượng, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô;                                              |
| 3   | Khoa Marketing           | 5           | 28      | Nguyên lý Marketing;                                                                                                                                                  |
| 4   | Khoa QTKD                | 13          | 22      | Quản trị học;                                                                                                                                                         |
| 5   | Khoa Kế toán – Kiểm toán | 6           | 33      | Nguyên lý kế toán; Kế toán ngân hàng                                                                                                                                  |
| 6   | Khoa Ngoại ngữ           | 1           | 43      | Tiếng Anh tổng quát 1,2,3,4                                                                                                                                           |
| 7   | Khoa Thuế - Hải quan     | 5           | 13      | Tài chính công                                                                                                                                                        |
| 8   | Khoa Công nghệ thông tin | 3           | 18      | Tin học ứng dụng                                                                                                                                                      |

**KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

| STT | HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH | HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN | NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                                                                                   | GHI CHÚ |
|-----|---------------------|-----------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Văn Bồn      | Tiến sĩ, 2017         | TCNH                | 1/Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1;<br>2/Tiền số và công nghệ Blockchain                          |         |
| 2   | Nguyễn Xuân Dũng    | Thạc sĩ, 2014 (Úc)    | TCNH                | 1/ Thị trường chứng khoán (TA)<br>2/ Thẩm định tín dụng (TA)<br>3/ Thị trường chứng khoán phái sinh (tự chọn) |         |
| 3   | Phạm Đức Huy        | Tiến sĩ, 2023         | TCNH                | 1/Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1;<br>2/Tiền số và công nghệ Blockchain                          |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH      | HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN      | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                                                                        | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------|----------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 4   | Trần Thị Thanh Nga       | Tiến sĩ, 2019              | TCNH               | 1/Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1<br>2/ Tiền số và công nghệ Blockchain               |         |
| 5   | Hoàng Tôn Thanh Uyên     | Thạc sĩ – NCS Úc           | TCNH               | 1/ Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 1<br>2/ Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 2                               |         |
| 6   | Đỗ Mạnh Thắng            | Thạc sĩ, 2018 (Anh)        | TCNH               | 1/Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1;<br>2/ Tiền số và công nghệ Blockchain             |         |
| 7   | Trần Thị Điện,           | Tiến sĩ, 2017              | TCNH               | 1/ Tài chính khởi nghiệp<br>2/ Tài chính hành vi (tự chọn)                                         |         |
| 8   | Nguyễn Thị Mỹ Linh (PGS) | PGS, 2016<br>TS, 2013      | TCNH               | 1 / Tài chính khởi nghiệp<br>2/ Tài chính hành vi (tự chọn)                                        |         |
| 9   | Nguyễn Xuân Bảo Châu     | Thạc sĩ, , 2012 (Thụy sĩ)  | TCNH               | 1/ Tài chính quốc tế;<br>2/ Hợp nhất và sáp nhập (tự chọn)<br>3/ Công nghệ tài chính (tự chọn)     |         |
| 10  | Lê Võ Đại Hải            | Thạc sĩ, 2017 (Pháp và Mỹ) | TCNH               | 1/ Tài chính doanh nghiệp 1 (TA)<br>2/ Tài chính doanh nghiệp 2 (TA)                               |         |
| 11  | Hồ Thị Lam               | Tiến sĩ, 2020              | TCNH               | 1/ Tài chính quốc tế;<br>2/ Quản trị rủi ro tài chính (tự chọn)<br>3/ Công nghệ tài chính(tự chọn) |         |
| 12  | Lê Thị Ngọc Lan          | Tiến sĩ                    | TCNH               | 1/ Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 1                                                                   |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH | HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                                                                                     | GHI CHÚ |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                     |                       |                    | 2/ 1/ Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 2                                                                             |         |
| 13  | Nguyễn Minh Phúc    | Tiến sĩ, 2021 (Úc)    | TCNH               | 1/ Tài chính doanh nghiệp 1 (TA)<br>2/ Tài chính doanh nghiệp 2 (TA)<br>3/ Quản trị tài chính cá nhân (tự chọn) |         |
| 14  | Bùi Hữu Phước       | Tiến sĩ, 2002         | TCNH               | 1/ Quản trị rủi ro tài chính (Tự chọn)<br>2/ Hợp nhất và sáp nhập (tự chọn)<br>3/ Đầu tư tài chính (tự chọn)    |         |
| 15  | Ngô Văn Toàn        | Tiến sĩ, 2023         | TCNH               | 1/ Thẩm định dự án đầu tư (tự chọn)<br>2/ 2/Tài chính hành vi (tự chọn)<br>3/ Hợp nhất và sáp nhập (tự chọn)    |         |
| 16  | Bùi Ngọc Toàn       | Tiến sĩ, 2022         | TCNH               | 1/ Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính<br>2/ Ứng dụng kinh tế lượng trong tài chính ngân hàng                 |         |
| 17  | Phan Thị Hằng Nga   | PGS.TS                | TCNH               | 1/ Xếp hạng tín dụng (Tự chọn)<br>2/ Ngân hàng số (tự chọn)<br>3/ Thanh toán quốc tế (TA)                       |         |
| 18  | Lê Thị Thúy Hằng    | Tiến sĩ, 2019         | TCNH               | 1/ Thẩm định tín dụng (TA)<br>2/ Ngân hàng số (tự chọn)<br>3/ Thanh toán quốc tế (TA)                           |         |
| 19  | Phạm Quỳnh Châu     | Tiến sĩ               | TCNH               | 1/ Ngân hàng thương mại                                                                                         |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH | HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                                                                                                | GHI CHÚ |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                     |                       |                    | 2/ Ngân hàng quốc tế (tự chọn)<br>3/ Kinh doanh ngoại hối (tự chọn)                                                        |         |
| 20  | Phạm Tiến Đạt       | PGS.TS                | TCNH               | 1/ Xếp hạng tín dụng (tự chọn)<br>2/ Kinh doanh ngoại hối (tự chọn)<br>3/ Ngân hàng Quốc tế (tự chọn)                      |         |
| 21  | Phạm Quốc Việt      | TS                    | TCNH               | 1/ Hợp nhất và sáp nhập (tự chọn)<br>2/ Quản trị ngân hàng (tự chọn)<br>3/Phân tích HĐKD ngân hàng (tự chọn)               |         |
| 22  | Lê Trung Đạo        | Tiến sĩ               | TCNH               | 1/ Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                                                         |         |
| 23  | Trần Huy Hoàng      | PGS.TS                | TCNH               | 1/ Ngân hàng thương mại<br>2/ Quản trị ngân hàng (tự chọn)<br>3/Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng (tự chọn)         |         |
| 24  | Hồ Thủy Tiên        | PGS.TS                | TCNH               | 1/ Định phí bảo hiểm (tự chọn)<br>2/ Phân tích tài chính doanh nghiệp (tự chọn)                                            |         |
| 25  | Cao Tấn Huy         | Tiến sĩ               | TCNH               | 1/ Phân tích tài chính doanh nghiệp (tự chọn)<br>2/ Thị trường chứng khoán<br>3/Thị trường chứng khoán phái sinh (tự chọn) |         |
| 26  | Lê Quốc Thành       | Tiến sĩ               | TCNH               | 1/ Thẩm định dự án đầu tư (tự chọn)                                                                                        |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH   | HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                                                                                                             | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                       |                       |                    | 2/ Quản trị rủi ro các định chế tài chính (tự chọn)                                                                                     |         |
| 27  | Trần Thị Kim Oanh     | Tiến sĩ               | TCNH               | 1/Phương pháp nghiên cứu<br>2/ Nguyên lý thực hành bảo hiểm<br>3/ Quản trị tài chính cá nhân (tự chọn)                                  |         |
| 28  | Nguyễn Việt Hồng Anh  | Tiến sĩ               | TCNH               | 1/Tiếng anh chuyên ngành tài chính ngân hàng 1<br>2/ Tiếng anh chuyên ngành tài chính ngân hàng 2;<br>3/ Nguyên lý thực hành bảo hiểm   |         |
| 29  | Nguyễn Quang Minh     | Tiến sĩ               | TCNH               | 1/Nguyên lý thực hành bảo hiểm;<br>2/ Định phí bảo hiểm (tự chọn)<br>3/Đầu tư tài chính (tự chọn)                                       |         |
| 30  | Nguyễn Trần Xuân Linh | Tiến sĩ               | TCNH               | 1/ Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính<br>2/ Ứng dụng kinh tế lượng trong TCNH<br>3/ Quản trị rủi ro các định chế tài chính (tự chọn) |         |

**11. MA TRẬN LIÊN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

| Mã học phần                      | Tên học phần                                   | CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
|----------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|-------|
|                                  |                                                | Kiến thức                             |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |       |
|                                  |                                                | PLO1                                  | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                              | PLO10 |
| I. Kiến thức giáo dục đại cương  |                                                |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 1.1. Kiến thức lý luận chính trị |                                                |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 140001                           | Triết học Mác – Lênin                          | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | R                                 |       |
| 140002                           | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | R                                 |       |
| 140003                           | Chủ nghĩa xã hội khoa học                      | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | R                                 |       |
| 140004                           | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                 | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | R                                 |       |
| 140005                           | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | R                                 |       |
| 1.2. Kiến thức pháp luật         |                                                |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 140006                           | Pháp luật đại cương                            | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      |                                   |       |
| 1.3. Ngoại ngữ                   |                                                |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 140007                           | Tiếng Anh 1                                    |                                       |      |      |      |         | R    |      |      |                                   |       |
| 140008                           | Tiếng Anh 2                                    |                                       |      |      |      |         | R    |      |      |                                   |       |
| 140009                           | Tiếng Anh 3                                    |                                       |      |      |      |         | R    |      |      |                                   |       |
| 140010                           | Tiếng Anh 4                                    |                                       |      |      |      |         | R    |      |      |                                   |       |
| 140011                           | Tiếng Anh Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng 1 |                                       |      |      |      |         | R    |      |      |                                   |       |
| 140012                           | Tiếng Anh Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng 2 |                                       |      |      |      |         | R    |      |      |                                   |       |

| Mã học phần                          | Tên học phần                                  | CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|-------|
|                                      |                                               | Kiến thức                             |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |       |
|                                      |                                               | PLO1                                  | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                              | PLO10 |
| 1.4. Toán – Tin học: 8 tín chỉ       |                                               |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 140013                               | Toán cao cấp                                  | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      |                                   |       |
| 140014                               | Tin học ứng dụng                              |                                       | R    |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp |                                               |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 2.1. Kiến thức cơ sở ngành           |                                               |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 140015                               | Kinh tế vi mô 1                               | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | R                                 |       |
| 140016                               | Kinh tế vĩ mô 1                               | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | R                                 |       |
| 140017                               | Nguyên lý kế toán                             | R                                     |      |      |      | R       |      |      |      |                                   |       |
| 140018                               | Nguyên lý marketing                           | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | R                                 |       |
| 140019                               | Quản trị học                                  | I                                     |      |      |      | I       |      |      |      |                                   | R     |
| 140020                               | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | M                                 |       |
| 140021                               | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng       | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      |                                   |       |
| 2.2. Kiến thức ngành                 |                                               |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 140022                               | Phương pháp nghiên cứu                        |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |
| 140023                               | Tài chính công                                |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |
| 140024                               | Kinh tế lượng                                 |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |
| 140025                               | Thị trường chứng khoán                        |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |
| 140026                               | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm               |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |

| Mã học phần                        | Tên học phần                                     | CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
|------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|-------|
|                                    |                                                  | Kiến thức                             |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |       |
|                                    |                                                  | PL01                                  | PL02 | PL03 | PL04 | PL05    | PL06 | PL07 | PL08 | PL09                              | PL010 |
| 140027                             | Tiền số và công nghệ blockchain                  |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |
| 140028                             | Tài chính doanh nghiệp 1                         |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |
| 140029                             | Ngân hàng thương mại                             |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |
| 140030                             | Tài chính quốc tế                                |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |
| 140031                             | Ứng dụng Kinh tế lượng trong tài chính ngân hàng |                                       |      | M    |      |         |      | M    |      | M                                 |       |
| <b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b> |                                                  |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| <i>Học phần bắt buộc</i>           |                                                  |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 140032                             | Thanh toán quốc tế qua ngân hàng                 |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    |                                   | M     |
| 140033                             | Tài chính doanh nghiệp 2                         |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    |                                   | M     |
| 140034                             | Thẩm định tín dụng                               |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    |                                   | M     |
| 140035                             | Phân tích dữ liệu tài chính quy mô lớn           |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    |                                   | M     |
| 140036                             | Tài chính khởi nghiệp                            |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    |                                   | M     |
| <i>Học phần tự chọn</i>            |                                                  |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 140037                             | Phân tích Tài chính doanh nghiệp                 |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    |                                   | M     |
| 140038                             | Đầu tư tài chính                                 |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    |                                   | M     |
| 140039                             | Thẩm định dự án đầu tư                           |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    |                                   | M     |
| 140040                             | Hợp nhất và sáp nhập                             |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    |                                   | M     |



| Mã học phần | Tên học phần         | CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO |      |      |      |         |      |      |      |                                   |
|-------------|----------------------|---------------------------------------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|
|             |                      | Kiến thức                             |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |
|             |                      | PLO1                                  | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9<br>PLO10                     |
| 140055      | Khóa luận tốt nghiệp |                                       |      |      | A    |         |      |      | A    | M                                 |

**Chú thích:** Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

### 13. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 13.1 Triết học Mác – Lênin

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước:
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:*

- Học phần giúp xác lập thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cho sinh viên.

- Sau khi học xong học phần, sinh viên tự tin vào năng lực tư duy lý luận của mình để từng bước nhận thức về bản thân, đánh giá các sự vật, sự việc, các vấn đề trong công việc một cách khách quan trong sự vận động, biến đổi, phát triển của chúng.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của Học phần và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt

động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Học phần giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.2 Kinh tế chính trị Mác – Lênin

**Tín chỉ: 2**

❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Có kiến thức lý luận căn bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó tiếp cận các môn khoa học kinh tế ngành và các môn khoa học khác. Có khả năng phân tích, giải thích, so sánh được và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Từ đó xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường. Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước. Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R)

### 13.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

**Tín chỉ: 2**

❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phân tích được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; vận dụng kiến thức đã học để giải thích những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xác lập căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của các thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước, chủ nghĩa xã hội; hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, từ đó, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

**Tín chỉ: 2**

❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần sinh viên trình bày được sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời cho đến nay; Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập học phần và vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc; xây dựng thái độ chính trị đúng đắn; củng cố, bồi đắp niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một học phần thuộc các môn khoa học lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh

**Tín chỉ: 2**

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những nội dung cụ thể sau: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.6 Pháp luật đại cương

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, biết tìm kiếm và vận dụng những quy phạm pháp luật có liên quan để xử lý các vấn đề pháp lý thông dụng. Từ đó, người học có nền tảng kiến thức vững vàng để học tiếp các học phần pháp luật khác; đồng thời, hình thành ý thức pháp luật tốt trong công việc và đời sống.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần gồm hai phần: phần đầu chuyển tải các vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật (như nguồn gốc, bản chất, thuộc tính, chức năng; hình thức của nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần 2 cung cấp khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh... và nội dung cơ bản của các chế định quan trọng của một số ngành luật thuộc lĩnh vực pháp luật tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R)

### 13.7 Tiếng Anh 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Điều kiện tiên quyết: Đạt điểm thi Tiếng Anh đầu vào TOEIC  $\geq 300$

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm ... Sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp (B1), vận dụng vào các công việc liên quan

đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao, đạt điểm tiếng Anh đầu vào tiệm cận trình độ sơ trung cấp theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, các điểm ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6(R)

### 13.8 Tiếng Anh 2

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp (B1+). Sinh viên có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao sau khi học xong học phần Tiếng Anh 1, tiệm cận trình độ trung cấp (B1+) theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, các điểm ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như giải trí, sức khỏe, thực phẩm, tệ nạn xã hội và thế giới tự nhiên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6(R)

### 13.9 Tiếng Anh 3

**3 tín chỉ**

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh 2
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng tốt kiến thức ngôn ngữ đã học để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ cao trung cấp (B2) vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, bài luận trình bày quan điểm, và giao tiếp tốt trong việc giải

quyết các tình huống cũng như thuyết phục các vấn đề. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 3 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ, từ vựng ở cấp độ cao trung cấp (B2) qua các chủ đề như văn hóa, phong cách sống, thiên văn và nhận thức của con người...

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

### 13.10 Tiếng Anh 4 3 tín chỉ

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh 3

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức ngôn ngữ đã học để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ cao trung cấp (B2); vận dụng kiến thức về ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề như giáo dục, truyền thông, thiết kế, kinh doanh và khoa học cơ bản vào đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn bản dài như bài báo, thư yêu cầu, đề nghị liên quan đến các đề tài đã học, giao tiếp tốt trong những tình huống đa dạng. Bên cạnh đó, sinh viên còn phát triển tốt các kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 4 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ và vốn từ vựng ở cấp độ cao trung cấp (B2), được sử dụng trong các lĩnh vực đa dạng như giáo dục, truyền thông, thiết kế, kinh doanh và khoa học cơ bản.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

### 13.11. Tiếng Anh chuyên ngành tài chính - ngân hàng 1 Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh 4

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho sinh viên kiến thức và các thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về lĩnh vực tài chính. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng đọc hiểu các kiến thức, thông tin cơ bản và giải thích được các nội dung liên quan đến lĩnh vực tài chính. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên rèn luyện thái độ tích cực, ý thức học tập và kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp trong lĩnh vực tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trình bày các thuật ngữ, các chủ đề thường gặp về lĩnh vực tài chính nói chung. Từ đó, sinh viên nắm vững kiến thức cũng như các thuật

ngữ chuyên ngành để có thể sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống liên quan đến lĩnh vực tài chính.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6(R)

### 13.12. Tiếng Anh chuyên ngành tài chính - ngân hàng 2

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh chuyên ngành tài chính - ngân hàng 1

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho sinh viên kiến thức và các thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về lĩnh vực ngân hàng. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng đọc hiểu các kiến thức, giải thích được các nội dung cơ bản liên quan đến lĩnh vực ngân hàng. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên rèn luyện thái độ tích cực, ý thức học tập và kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp trong lĩnh vực ngân hàng.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần trình bày các thuật ngữ cũng như những chủ đề thường gặp trong lĩnh vực ngân hàng. Từ đó, sinh viên nắm vững được kiến thức và các thuật ngữ chuyên ngành để có thể tự tin vận dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6(R)

### 13.13 Toán cao cấp

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở toán học, vận dụng các công cụ toán trong phân tích kinh tế và tài chính. Nắm vững kiến thức nền tảng để nghiên cứu và áp dụng trong các học phần tiếp theo.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần tập trung vào các nội dung về kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R)

### 13.14 Tin học ứng dụng

**Tín chỉ: 4**

- ❖ Học phần học trước: Không

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển nâng cao các kỹ năng số cần thiết như soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật; thiết kế báo cáo khoa học đạt chuẩn; soạn bài thuyết trình ấn tượng; khai thác xử lý dữ liệu với bảng tính, tìm kiếm tài liệu trên Internet hiệu quả, từ đó ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này. Bên cạnh đó, sinh viên còn vận dụng được các kiến thức và kỹ năng cần thiết như khai thác sử dụng không gian đám mây (cloud); sử dụng các phần mềm trực

tuyển (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến (online survey) và thu thập, xử lý kết quả khảo sát để thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tin học ứng dụng phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật, đúng quy cách; trình bày báo cáo khoa học; soạn bài thuyết trình ấn tượng; xử lý dữ liệu với bảng tính, phân tích dữ liệu, tìm kiếm tài liệu trên Internet. Thông qua học phần này, người học có thể phát triển các kỹ năng số như khai thác không gian đám mây; sử dụng các phần mềm trực tuyến; thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức thích ứng Cách mạng công nghiệp 4.0 như chuyển đổi số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ nổi bật khác trong kỷ nguyên số. Bên cạnh đó, học phần Tin học ứng dụng đảm bảo cung cấp các kiến thức hỗ trợ chuẩn đầu ra Tin học của trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R)

### 13.15 Kinh tế vi mô 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cung cầu, cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Kinh tế vi mô tập trung vào một số nội dung quan trọng như những vấn đề kinh tế cơ bản về thị trường: Lý thuyết cầu, cung; Độ co giãn cầu cung, Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết về sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; Quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào; Các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường khác nhau cũng như những hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.16 Kinh tế vĩ mô 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến kinh tế vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng...

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần kinh tế vĩ mô giới thiệu một số nội dung cơ bản như Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Tổng cầu và chính sách tài khóa; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Tổng cung và chu kỳ kinh doanh; các nhân tố quy định tăng

trường kinh tế; Thất nghiệp và lạm phát; Tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, chính sách thương mại và các phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.17 Nguyên lý kế toán

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:*

- Hiểu rõ những nội dung cơ bản về kế toán.

- Vận dụng quy trình và các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

- Có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, quy định pháp lý của kế toán. Tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán.

▪ *Tóm tắt nội dung học phần:* Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R)

### 13.18 Nguyên lý marketing

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, sinh viên có thể nhận dạng, phân biệt các hoạt động marketing trên thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên có thể đề xuất và đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cũng có thể phát huy kỹ năng học tập và tự nghiên cứu sâu hơn về marketing cũng như sẵn sàng hướng dẫn hỗ trợ người khác trong việc nghiên cứu và thực hành các hoạt động marketing ở cấp độ căn bản.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần Nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, khái niệm về phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung các

hoạt động marketing như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.19 Quản trị học

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết và thực tế tổng quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

Hình thức tổ chức dạy học: sinh viên học lý thuyết trên lớp với giảng viên; đồng thời thực hành những kỹ năng quản trị thông qua các bài tập, thảo luận nhóm với sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (I), PLO10 (R)

### 13.20 Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu các vấn đề liên quan đến tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá và các vấn đề liên quan đến hệ thống tài chính; cách thức hoạt động của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương trong hệ thống tài chính. Sinh viên tính toán và giải quyết được các bài toán kinh tế cơ bản như tính lãi suất, tỷ suất sinh lợi, lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được

những nhận định cá nhân về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính thông qua các tình huống thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung Học phần sẽ khái quát các phạm trù liên quan đến Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng, các thuật ngữ gắn liền với các hoạt động kinh tế diễn ra hàng ngày: Tiền tệ, lãi suất, tín dụng ngân hàng, tỷ giá, lạm phát, vốn,... Bên cạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ, còn có các thị trường tài chính, là những cấu phần không thể thiếu trong nền kinh tế và cũng là thị trường tác động mạnh mẽ đến hiệu quả của cả nền kinh tế. Các thị trường này điều tiết dòng vốn cho mọi hoạt động kinh tế, cung cấp thêm cơ hội đầu tư, công cụ phòng vệ rủi ro đồng thời góp phần làm tăng thanh khoản cho cả nền kinh tế. Các thị trường tài chính tiêu biểu gồm: thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường tiền tệ, thị trường vốn,... Học phần cũng đưa ra những bài thực hành cơ bản về đầu tư như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư, so sánh các cơ hội đầu tư, so sánh giữa lợi ích và rủi ro, đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản giữa trên các tín hiệu thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(M)

### 13.21 Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, bài toán ước lượng và kiểm định thống kê. Xây dựng và đưa ra các mô hình xác suất và thống kê để giải quyết các bài toán liên quan trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và quản trị.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R)

### 13.22. Phương pháp nghiên cứu

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ và các phương pháp nghiên cứu thường dùng; nhận thức được tầm quan trọng của việc tìm hiểu vấn đề một cách có hệ thống và có phương pháp; sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để xây dựng một đề cương nghiên cứu. Cụ thể là: Có khả năng đưa ra câu hỏi nghiên cứu xác đáng đối với vấn đề cần nghiên cứu, có khả năng lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp, có khả năng lập kế hoạch thu thập thông tin tương ứng để đảm bảo độ tin cậy và độ xác thực của thông tin.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp tiến hành nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo đề án nghiên cứu. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, về cách chọn mẫu, cách đo lường, và cách thức tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình áp dụng vào các đề án nghiên cứu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.23. Tài chính công

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Giúp người học nhận biết được các khái niệm và vấn đề liên quan tới lĩnh vực tài chính công; Giúp người học nắm vững và tái hiện lại theo ngôn ngữ riêng các quy luật vận động của tài chính công; (iii) Giúp người học hệ thống lại kiến thức của Học phần trong tổng thể chung của khối kiến thức liên quan tới khu vực công; và giúp người học có thể đánh giá về tình trạng vận hành của nền tài chính công trong thực tiễn.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu tổng quan về tài chính công và các phương pháp nghiên cứu, phân tích tài chính công. Các chương trình chi tiêu của chính phủ được coi là hàng hoá công cũng như các chính sách xử lý vấn đề ngoại tác của nền kinh tế được đưa ra phân tích trên góc độ hiệu quả cũng như công bằng xã hội; thể hiện qua hệ thống những quan điểm và tranh luận về phân phối thu nhập. Nguồn tài trợ chính của chính phủ là thuế cũng đưa vào khuôn khổ phân tích cân bằng cục bộ và cân bằng tổng thể với nền kinh tế. Học phần khép lại với những phân tích cân đối tài chính công và ý nghĩa của các biện pháp tài trợ thâm hụt.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.24. Kinh tế lượng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích tương quan và hồi quy; xây dựng mô hình ước lượng và kiểm định cho các hệ số hồi quy; Kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết trên các mô hình. Ứng dụng vào phân tích và dự báo cho các vấn đề liên quan đến Tài chính, kinh tế và quản trị. Làm công cụ nền tảng cho các học phần sau.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy đa biến, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một

số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.25 Thị trường chứng khoán

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể giao dịch được chứng khoán trên thị trường chứng khoán. Sinh viên còn có thể định giá các loại chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư; phân tích, đánh giá, tư vấn cho doanh nghiệp nên phát hành loại chứng khoán nào, phát hành theo hình thức nào, niêm yết hay không trên thị trường chứng khoán cho phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên còn có thể vận dụng kiến thức thực hiện hoạt động môi giới tại công ty chứng khoán và xử lý các tình huống trong hoạt động môi giới.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu về sự ra đời và tầm quan trọng của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế. Học phần trình bày, mô tả các loại hàng hoá trên thị trường chứng khoán; cách thức tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán; công ty chứng khoán; quỹ đầu tư chứng khoán; hệ thống thông tin, thanh tra, giám sát thị trường chứng khoán. Học phần còn giới thiệu, mô tả các phương pháp định giá chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.26 Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và thị trường tài chính 1

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản và các nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm và các nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu trên thị trường bảo hiểm. Phân tích đánh giá thách thức và cơ hội thị trường bảo hiểm và các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam. Vận dụng các kiến thức về các nghiệp vụ bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ) trong cuộc sống và công việc.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về bảo hiểm thương mại; Sự cần thiết của bảo hiểm đối với kinh tế xã hội; Các nguyên tắc hoạt động cơ bản bảo hiểm; Các quy định pháp luật liên quan đến bảo hiểm; Hoạt động của thị trường bảo hiểm; Các nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu, đặc điểm riêng có của từng nghiệp vụ (tài sản, con người, trách nhiệm).

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.27. Tiền số và công nghệ blockchain

**Tín chỉ: 2**

- ❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và thị trường tài chính 1

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho người học các kiến thức về công nghệ Blockchain đang được ứng dụng trong thực tiễn hiện nay và các mô hình ứng dụng Blockchain trong tiền mặt mã (cryptocurrency). Học phần cũng giới thiệu các nội dung liên quan đến các ứng dụng đa dạng của Blockchain trong sự phát triển công nghệ nói chung trên thế giới và quá trình chuyển đổi số của Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về các mô hình khai thác của các hệ thống quản lý và vận hành tiền điện tử trên thế giới.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp kiến thức về: Học phần trang bị kiến thức nền tảng về Blockchain, các giải thuật và ứng dụng nó trong lĩnh vực tài chính ngân hàng như: Bitcoin Atom: Là một nhánh mới của Bitcoin cho phép trao đổi tiền mã hóa dễ dàng mà không tốn phí giao dịch và không thể bị tấn công khi giao dịch, khiến Bitcoin thực sự được phân cấp lại. Công nghệ này dựa trên các hoán đổi nguyên tử (atomic swaps) - được xem là một công cụ vô giá để trao đổi các đồng tiền mã J hóa và không cần phải có một bên thứ ba đáng tin cậy. Nhưng hiện tại, việc áp dụng rộng rãi các giao dịch hoán đổi nguyên tử đã bị ngăn chặn vì chúng đòi hỏi phải có kỹ năng kỹ thuật cao; Bitcoin Atom có thể giải quyết vấn đề này một phần nào đó. Securrency: Đây là một nền tảng giao dịch tiền mã hóa và một vài loại tài sản, bao gồm cả những tài sản không hoán đổi thành tiền mặt, được trao đổi thông qua token của Securrency. Dự án cho phép tiền mã hóa được giao dịch bên ngoài các giao dịch chuyên dụng của chúng. Ripple: Ripple nhắm đến việc trở thành một nhà cung cấp giải pháp thanh toán toàn cầu bằng cách kết nối ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, doanh nghiệp và các giao dịch tài sản kỹ thuật số, cho phép giải quyết ngay tức thì, theo nhu cầu trên toàn cầu. ABRA: Là một ứng dụng toàn cầu và ví tiền mã hóa cho phép bạn mua, đầu tư và trữ 20 loại tiền mã hóa, bao gồm Bitcoin, ethereum, litecoin...Aeternity: Là một nền tảng blockchain có khả năng mở rộng cao này có thể được sử dụng cho bất kỳ ứng dụng nào yêu cầu tốc độ giao dịch cao, bao gồm các hợp đồng thông minh được tạo ra từ các thanh toán chuỗi, nano và vi mô.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.28 Tài chính doanh nghiệp 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và thị trường tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên biết được mục tiêu của tài chính doanh nghiệp, hiểu và tính toán được giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích và đánh giá các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, hoạch định nguồn vốn tài trợ trong doanh nghiệp, quản trị các tài sản ngắn hạn, định giá chứng khoán và thẩm định tài chính của các dự án đầu tư dài hạn trong và ngoài nước.

- *Tóm tắt nội dung:* Tài chính doanh nghiệp là một Học phần chuyên ngành cần thiết cho sinh viên theo học ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tài chính trong doanh nghiệp về giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, chi phí sử dụng vốn, đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp và quản trị vốn lưu

động của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ việc ra các quyết định trong quản trị tài chính trong doanh nghiệp

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO7 (M), PLO9 (M).

### 13.29 Ngân hàng thương mại

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được tổng quan các hoạt động của ngân hàng thương mại và phân tích được về mặt lý luận cũng như kỹ thuật các nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại hiện đại. Học phần cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên ra trường có thể đảm nhận các vị trí công việc tại ngân hàng như: giao dịch viên, tín dụng, thanh toán quốc tế, ngân quỹ.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung Học phần sẽ khái quát cách thức tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, vai trò và kỹ thuật nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng như: huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại hối. Ngoài ra, người học có cơ hội tiếp cận với phần mềm mô phỏng core banking tại phòng thực hành để có những trải nghiệm thực tế về môi trường làm việc tại ngân hàng. Bên cạnh đó, Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết về các nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn cũng như trung và dài hạn trong các NHTM hiện nay. Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cơ bản nhằm tạo điều kiện cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường dễ dàng tiếp cận với môi trường làm việc tại các NHTM. Sinh viên có thể ứng dụng những kiến thức đã học trong công tác thực tiễn tại các NHTM nói riêng cũng như các định chế tài chính trung gian nói chung.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.30 Tài chính quốc tế

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nhận biết và giải thích các vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế vĩ mô dựa trên các lý thuyết ngang bằng quốc tế, phân tích và dự báo biến động tỷ giá cũng như lựa chọn các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá phù hợp. Sinh viên sẽ tự tin làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, có thể phát huy tư duy sáng tạo và linh hoạt trong việc đưa ra những quyết định tài chính khi thực hiện mua/bán ngoại tệ, phòng ngừa rủi ro tỷ giá cũng như lựa chọn các hình thức kinh doanh ngoại hối phù hợp với tình hình biến động thị trường tài chính quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Tài chính quốc tế là Học phần quan trọng thuộc khối kiến thức ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về thị trường tài chính quốc tế, hoạt động chu chuyển vốn giữa các quốc gia, thị trường phái sinh tiền tệ với các vấn đề liên quan tới biến động tỷ giá và phòng ngừa rủi ro

tỷ giá. Bên cạnh đó, nội dung Học phần cũng giải thích, làm rõ mối tương quan giữa các thị trường và nền kinh tế các quốc gia thông qua những lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Đồng thời các yếu tố tác động tỷ giá, hệ thống tiền tệ quốc tế và các lựa chọn chính sách tỷ giá của Chính phủ trong mối quan hệ với chính sách tiền tệ và hội nhập tài chính, chính sách ngoại thương cũng sẽ được phân tích. Ngoài ra, Học phần cũng chú trọng thực hành thảo luận, phân tích và xử lý tình huống liên quan đến quan hệ tài chính quốc tế; quản trị rủi ro tỷ giá trong các hoạt động thương mại hay đầu tư quốc tế; cũng như các giải pháp ứng phó với các vấn đề khủng hoảng tài chính toàn cầu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.31. Ứng dụng kinh tế lượng trong tài chính ngân hàng Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế lượng

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* sinh viên sử dụng được các phương pháp thống kê, các mô hình kinh tế lượng, các kỹ thuật phân tích dữ liệu đa biến phù hợp trong nghiên cứu về kinh tế, tài chính-ngân hàng. Viết được và đánh giá được các nghiên cứu định lượng trong kinh tế - tài chính. Sử dụng được các phần mềm trong phân tích dữ liệu.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng trong việc ứng dụng kinh tế lượng trong Tài chính – Ngân hàng. Học phần được tiếp cận theo hướng ứng dụng nhằm giúp sinh viên hiểu được các dạng dữ liệu, biết cách lập và ước lượng các mô hình kinh tế lượng. Ngoài ra, sinh viên có khả năng thảo luận kết quả ước lượng và ứng dụng kết quả nghiên cứu để giải quyết các tình huống phát sinh trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.32. Thanh toán quốc tế qua ngân hàng Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng, xem xét bộ chứng từ theo nội dung, số loại, tính chất khác nhau tùy theo nhu cầu giao dịch quốc tế của khách hàng và đặc thù của từng phương thức thanh toán. Học phần Thanh toán quốc tế qua ngân hàng nhằm đào tạo cho sinh viên có thể trở thành các thanh toán viên của các phòng Thanh toán quốc tế tại các Ngân hàng thương mại. Ngoài ra, người học có thể đảm nhiệm các công việc liên quan đến thanh toán xuất nhập khẩu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Thanh toán quốc tế qua ngân hàng sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết về chứng từ giao dịch, tập quán thương mại quốc tế và các phương thức thanh toán quốc tế phổ biến hiện nay như: Phương thức chuyển tiền, Phương thức thanh toán nhờ thu, Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, Thanh toán biên mậu, Thanh toán phi mậu dịch, Open account, CAD. Học phần giúp sinh viên biết

khái quát về nghiệp vụ ngân hàng đại lý, phân loại được bộ chứng từ tài chính, chứng từ thương mại và những rủi ro trong hoạt động thanh toán quốc tế. Nội dung mỗi chương sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng linh hoạt các phương thức thanh toán quốc tế và cách thức xét duyệt tính hợp lệ của bộ chứng từ giao dịch theo từng phương thức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.33. Tài chính doanh nghiệp 2

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên làm việc tại các doanh nghiệp có thể ra các quyết định: chọn lựa phương án đầu tư TSCĐ; phương án sử dụng nợ; xác định được mức gia tăng giá trị doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện chính sách ổn định cổ tức, chính sách thặng dư cổ tức, hoặc cơ cấu vốn của doanh nghiệp; ngoài ra, sinh viên còn có thể tiến hành phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn hay kế hoạch tài chính dài hạn của doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Tài chính Doanh nghiệp 2 là học phần chuyên ngành quan trọng của ngành Tài chính – Ngân hàng; có nhiều nội dung liên quan đến các học phần khác như Tài chính Doanh nghiệp 1, Toán Tài chính, Phân tích Tài chính doanh nghiệp. Nội dung Học phần sẽ khái quát các khái niệm, thuật ngữ, và các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu, đánh giá hiệu quả việc ra quyết định tài chính: đòn bẩy kinh doanh, đòn bẩy tài chính, chính sách chi trả cổ tức, cơ cấu vốn mục tiêu, phân tích và lập kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.34. Thẩm định tín dụng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên khi làm việc tại các ngân hàng có thể thực hành các nội dung và kỹ thuật phân tích tín dụng trong thực tiễn tại các ngân hàng thương mại. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng các kỹ thuật thẩm định năng lực hành vi pháp lý, năng lực tài chính đối với khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp. Từ đó áp dụng vào việc thực hiện hoàn thiện tờ trình thẩm định tín dụng cho khách hàng của ngân hàng. Đặc biệt, sinh viên còn được trang bị các kiến thức về kỹ năng mềm trong tiếp xúc khách hàng, kỹ năng chuyên sâu về toán – tài chính trong việc thẩm định các hồ sơ mà khách hàng cung cấp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung Học phần sẽ khái quát các bộ phận cấu thành và đặc điểm của thị trường ngân hàng – lĩnh vực tín dụng. Vận dụng các kiến thức được cung cấp tính toán lãi suất vay vốn, hạn mức tín dụng. Thẩm định tính xác thực và phân tích năng lực hành vi pháp lý của khách hàng. Thẩm định tính xác thực và phân tích năng lực tài chính của khách hàng. Thẩm định tính khả thi về khả năng vay vốn của phương án/ dự

án sản xuất kinh doanh của khách hàng. Thực hành việc xếp hạng tín dụng cụ thể cho khách hàng trong ngân hàng. Hiểu và phân tích được các rủi ro mà ngân hàng gặp phải khi đồng ý cấp tín dụng cho khách hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

### 13.35. Phân tích dữ liệu tài chính quy mô lớn

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên học xong Học phần có khả năng: Hiểu được các kiến thức nền tảng về mô hình khai thác dữ liệu lớn trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:* giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về dữ liệu lớn (Bigdata) trong lĩnh vực công nghệ tài chính đang được ứng dụng trong thực tiễn hiện nay, bao gồm dữ liệu lớn trong công nghệ chuỗi khối (blockchains), dữ liệu lớn trong tiền mặt mã (cryptocurrency). Học phần cũng giới thiệu các nội dung phân tích dữ liệu nói chung trong dịch vụ tài chính nói chung và dữ liệu lớn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng (cho vay ngân hàng, gọi vốn cộng đồng), ví điện tử, quản lý tài sản trên nền tảng công nghệ mới. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về mô hình khai thác dữ liệu lớn trong thời gian thực của các hệ thống sàn giao dịch tiền điện tử tập trung CEX và những sàn tài chính phi tập trung DEX.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.36. Tài chính khởi nghiệp

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Hiểu và phân loại các mô hình tài chính khởi nghiệp; Hiểu và lập kế hoạch kinh doanh; Hiểu và nhận diện được vai trò của tài chính trong những doanh nghiệp khởi nghiệp; Hiểu được các mô hình khởi nghiệp, như: doanh nghiệp khởi nghiệp mới hoàn toàn, doanh nghiệp hiện có phát triển thêm quy mô và chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp; Hiểu và vận dụng được các kiến thức tài chính trong từng mô hình khởi nghiệp khác nhau: từ chiến lược, tổ chức lại, xây dựng hệ thống quản lý bài bản, xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, quản lý tài chính, rủi ro... Có khả năng phân tích các sự việc, hiện tượng, tình huống thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính khởi nghiệp; Có khả năng tổng hợp, đánh giá các lý thuyết, các sự việc hiện tượng, tình huống thực tiễn đến lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* sau khi học xong học phần này, học viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính, kiến thức tổng quát về quá trình từ khi có ý tưởng, thực hiện kế hoạch tài chính, kêu gọi đầu tư, xác định các cột mốc quan trọng trong quá trình biến ý tưởng thành kế hoạch kinh doanh cũng như định giá các triển vọng các dự án xuất phát từ ý tưởng và định giá các nhà đầu tư gián tiếp và trực tiếp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### Học phần tự chọn:

### Học phần tự chọn thuộc lĩnh vực tài chính:

#### 13.37 Phân tích Tài chính doanh nghiệp

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên sẽ: Nắm được mục tiêu, nội dung và các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp; Hiểu được kết cấu, nội dung và mối liên hệ giữa các báo cáo tài chính; Phân tích được tình hình huy động vốn và sử dụng vốn; Phân tích được tình hình biến động tài sản và nguồn vốn; Phân tích được khả năng thanh toán; Phân tích được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng; Phân tích được hiệu quả sử dụng tài sản và vốn; Phân tích được tình hình lưu chuyển tiền tệ và khả năng tạo tiền; Phân tích được rủi ro đối với doanh nghiệp; Dự báo được tài chính doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Môn Phân tích tài chính doanh nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về phân tích tài chính và các điều kiện để ra quyết định sau phân tích tài chính. Nội dung chính của Học phần tập trung giới thiệu các kiến thức và kỹ năng, phương pháp phân tích tài chính trên góc độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, tập trung vào 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư. Học phần cũng cung cấp hệ thống các chỉ tiêu tài chính được sử dụng để phân tích bao gồm: Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, hiệu suất hoạt động, khả năng cân đối vốn và khả năng sinh lời. Từ các kết quả phân tích tài chính, trên góc độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, Học phần cũng hướng dẫn cách thức đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính, từ đó, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dự báo BCTC.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

#### 13.38 Đầu tư tài chính

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để ra được các quyết định đầu tư trái phiếu, cổ phiếu; thiết lập và quản lý một danh mục đầu tư tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Đầu tư tài chính là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng; trang bị những kiến thức về lý thuyết danh mục đầu tư, mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình đa nhân tố và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá, Học phần còn giúp người học biết định giá, phân tích cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái

sinh, biết xác định mức sinh lời, rủi ro trong đầu tư, các bước xây dựng danh mục đầu tư và đánh giá, quản lý danh mục đầu tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(R), PLO10(M)

### 13.39 Thẩm định dự án đầu tư

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được tổng quan về dự án đầu tư, các cách phân loại trong dự án, các bước trong quy trình thiết lập và thẩm định dự án, vai trò và sự cần thiết của việc thẩm định dự án; nắm bắt được khung tài chính dự án, các nội dung tác động đến dòng tiền, có thể xây dựng chi phí và thiết lập dòng tiền của dự án; nắm bắt các quan điểm trong thẩm định dòng tiền dự án. Sinh viên nắm rõ và vận dụng được các chỉ tiêu trong thẩm định dự án. Sinh viên nắm bắt được tác động của lạm phát lên dự án và cách thức đánh giá một dự án khi có tác động của lạm phát. Sinh viên vận dụng được các phương pháp sử dụng trong đánh giá và phân tích rủi ro của dự án.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thẩm định dự án đầu tư là học phần chuyên ngành tự chọn của ngành Tài chính – Ngân hàng; có nhiều nội dung liên quan đến các học phần khác như tài chính doanh nghiệp, hoạch định ngân sách vốn đầu tư... Môn Thẩm định dự án đầu tư bao gồm những kiến thức cơ bản, những vấn đề lý luận chung về dự án đầu tư; các nội dung cần nghiên cứu xác định dòng tiền, các chỉ tiêu đánh giá và lựa chọn dự án, tác động của lạm phát đến dự án và xem xét phân tích các rủi ro đối với dự án đầu tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.40 Hợp nhất và sáp nhập

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức liên quan đến quá trình M&A và các giai đoạn quan trọng của nó; đồng thời giúp người học rèn luyện kỹ năng định giá các giao dịch M&A, các chiến thuật mua lại và chống mua lại, tìm kiếm nguồn tài trợ giao dịch. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

▪ *Tóm tắt nội dung:* Hợp nhất và sáp nhập là học phần thuộc chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Như chúng ta đã biết để thực hiện chiến lược kinh doanh, các công ty có nhiều công cụ triển khai như đầu tư vào tài sản thực, đầu tư tài chính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Một trong những công cụ như vậy là Mua bán và sáp nhập (M&A). Thông qua M&A, một doanh nghiệp có thể gia tăng tốc độ tăng trưởng và tiếp cận thị trường, tận dụng các cơ hội từ môi trường bên ngoài. Tuy vậy, M&A cũng đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến lựa chọn mục tiêu phù hợp, định giá, thẩm định chi tiết, đàm phán và thương lượng, tìm nguồn tài trợ phù hợp... và quan trọng hơn cả là hội nhập sau sáp nhập. Việc hiểu rõ quá trình M&A, những giai đoạn quan trọng của quá trình này,

cũng như nắm vững kỹ thuật định giá, các chiến thuật mua lại và chống mua lại sẽ làm gia tăng xác suất thành công của một giao dịch M&A. Học phần này cố gắng hỗ trợ người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết nêu trên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.41 Quản trị rủi ro tài chính

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên học xong Học phần có khả năng: Hiểu được các kiến thức nền tảng về quản trị rủi ro tài chính; Nhận diện và kiểm soát được các loại rủi ro tài chính trong doanh nghiệp và ngân hàng; Tuân thủ các quy định về rủi ro của pháp luật trong thực hành công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản trị rủi ro tài chính được thiết kế là Học phần chuyên ngành cho chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng. Học phần này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh vào quản lý rủi ro tài chính cho doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Cụ thể, Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về: nhận dạng các loại rủi ro tài chính phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp và của ngân hàng thương mại, ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh để quản lý rủi ro biến động giá cả, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá đối với các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Ngoài ra, Học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các thủ thuật quản trị rủi ro do sử dụng nợ, rủi ro trong đầu tư, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản đối với doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

### Học phần tự chọn thuộc lĩnh vực ngân hàng:

#### 13.42 Quản trị ngân hàng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có những kiến thức liên quan đến quản trị hoạt động của một ngân hàng thương mại. Cụ thể, sinh viên hiểu và nắm bắt được các kỹ thuật quản trị ngân hàng ở các lĩnh vực như quản trị Vốn, Nợ, Tài sản, Thanh khoản, Tín dụng, Đầu tư, Kết quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó sinh viên sẽ phát triển được kỹ năng Nhận biết và phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại. Đặc biệt sử dụng các kỹ thuật tiên tiến về Quản trị Ngân hàng của các nước phát triển vào thực tế hệ thống ngân hàng Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu tổng quan hoạt động của ngân hàng hiện đại, các xu hướng tác động đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng như các mô hình tổ chức quản trị hoạt động trong hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó học phần cũng sẽ trình bày nội dung các phương pháp quản trị trong hoạt động huy động vốn, quản trị vốn

tự có và sự an toàn vốn, quản trị thanh khoản, quản trị hoạt động tín dụng, quản trị hoạt động đầu tư, quản trị rủi ro lãi suất.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.43 Xếp hạng tín dụng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực nghiệp vụ xếp hạng tín dụng: các kiến thức cơ bản về lịch sử của hoạt động xếp hạng tín dụng trên thế giới. Từ đó, sinh viên hiểu và phân tích được quá trình phát triển hoạt động xếp hạng tín dụng, tiến trình thực hiện xếp hạng tín dụng trong ngân hàng tại Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xếp hạng tín dụng trên thế giới và có thể thực hiện xếp hạng tín dụng đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Vận dụng được các kiến thức về kỹ năng mềm trong tiếp xúc khách hàng, kỹ năng chuyên sâu về toán – tài chính trong việc thẩm định các hồ sơ mà khách hàng cung cấp. Sinh viên phải có khả năng phân biệt được các hồ sơ thực – hồ sơ giả mạo; biết cách lấy thông tin từ bên thứ 3 và các bên liên quan đến khách hàng để gia tăng sự chính xác của biên bản xếp hạng tín dụng, từ đó giảm thiểu rủi ro trong việc cấp tín dụng tại ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.44 Kinh doanh ngoại hối

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên khi làm việc tại các ngân hàng có thể thực hiện các nghiệp vụ: ngân hàng cung cấp các dịch vụ mua/bán hộ ngoại tệ cho các khách hàng xuất nhập khẩu, ngân hàng tự kinh doanh thu lại lợi nhuận. Khi làm việc tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ tại doanh nghiệp: đưa ra những quyết định tài chính đúng khi thực hiện mua/bán ngoại tệ; thực hiện vay/gửi ngoại tệ cũng như phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lựa chọn đồng tiền thanh toán trong các giao dịch ngoại thương.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Kinh doanh ngoại hối là học phần sẽ khái quát cách thức tổ chức, hoạt động, các khái niệm, thuật ngữ, thông lệ giao dịch được sử dụng trên thị trường ngoại hối. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, thông lệ giao dịch và ứng dụng các giao dịch kinh doanh ngoại hối vào thực tế bao gồm các giao dịch ngoại hối: giao ngay, kỳ hạn, tương lai, hoán đổi, quyền chọn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.45 Thị trường chứng khoán phái sinh****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu và phân tích được tổng quan về thị trường chứng khoán phái sinh trên thế giới nói chung và thị trường chứng khoán phái sinh của Việt Nam nói riêng. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng được các kiến thức của học phần để tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh hoặc làm việc tại các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung Học phần khái quát về thị trường chứng khoán phái sinh và một số công cụ phái sinh căn bản. Học phần tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, kỹ thuật giao dịch, phương pháp định giá và ứng dụng của các hợp đồng chứng khoán phái sinh vào thực tiễn. Ngoài ra, các phương pháp kết hợp những công cụ phái sinh đơn lẻ tạo thành chiến lược phòng ngừa rủi ro hoặc kinh doanh kiếm lợi nhuận cũng được đề cập trong học phần.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.46 Định phí bảo hiểm****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng trình bày tổng quan về các nguyên tắc và các cơ sở kỹ thuật tính phí sản phẩm bảo hiểm. Vận dụng tính phí bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ. Xác định các cơ sở tính dự phòng nghiệp vụ. Đánh giá khả năng thanh toán trong công ty bảo hiểm.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Định phí bảo hiểm là học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Tài chính Bảo hiểm và Đầu tư. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp định phí các sản phẩm bảo hiểm. Các giả định khi tính phí cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến việc định phí các sản phẩm bảo hiểm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**Kiến thức bổ trợ ngành:****Nhóm 1: Chọn 1 trong 4 học phần sau****13.47 Tài chính hành vi****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Tài chính hành vi là học phần quan trọng của ngành Tài chính - Ngân hàng. Nội dung Học phần khái quát được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan đến tài chính hành vi để giúp sinh viên có thể ứng dụng tâm lý học vào việc giải thích các hành vi tài chính của nhà đầu tư và phân tích các lệch lạc trong quyết định của nhà đầu tư, phân tích tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cũng giới thiệu tổng quan về tài chính chuẩn tắc, phân tích các hiệu ứng tâm lý học, lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, lý thuyết triển vọng và thị trường hiệu quả giúp sinh viên hiểu được các lý thuyết nền tảng của tài chính hành vi. Thêm vào đó, sinh viên sẽ được đọc hiểu và trao đổi, thảo luận nhiều bài nghiên cứu đã công bố ở trong nước và ngoài nước về lĩnh vực tài chính hành vi, giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học và phát triển khả năng nghiên cứu về lĩnh vực tài chính hành vi.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO (M)

**13.48 Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể ứng dụng các chỉ số định tính và định lượng được sử dụng rộng rãi trong việc đánh giá hoạt động ngân hàng; sử dụng hiệu quả các báo cáo tài chính trong quá trình phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh ngân hàng; sử dụng các công cụ phân tích các báo cáo tài chính nhằm đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhất đối với từng lĩnh vực hoạt động của ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và kiến thức sâu rộng hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng: phân tích chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ trọng yếu của ngân hàng; các báo cáo tài chính hoạt động kinh doanh của ngân hàng; phân tích tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh ngân hàng; phân tích rủi ro trong hoạt động kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh của ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

**13.49 Quản trị rủi ro các định chế tài chính****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên khi làm việc tại các định chế tài chính có thể thực hiện các nghiệp vụ: quản trị rủi ro lãi suất, quản

trị rủi ro hối đoái, quản trị rủi ro thanh khoản, quản trị rủi ro tín dụng, quản trị chất lượng nguồn vốn và vốn chủ sở hữu.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Quản trị rủi ro các định chế tài chính là học phần chuyên ngành quan trọng của ngành Tài chính Bảo hiểm và Đầu tư. Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức chung về các định chế tài chính trung gian, rủi ro và quản trị rủi ro trong các định chế tài chính trung gian như ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, công ty chứng khoán....

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

### 13.50 Ngân hàng quốc tế

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực nghiệp vụ ngân hàng quốc tế: Kinh doanh ngoại hối; Chuyển tiền quốc tế; Xuất khẩu và nhập khẩu ngoại tệ; Tín dụng quốc tế và đầu tư quốc tế; Nghiệp vụ ngân hàng đại lý; Tư vấn tài chính quốc tế..

▪ *Tóm tắt nội dung:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức về cấu trúc tổ chức và các nguyên tắc hoạt động của các định chế ngân hàng quốc tế với vai trò trụ cột trong việc thanh toán thương mại toàn cầu cùng các chu chuyển vốn quốc tế. Các chủ đề có liên quan khác như thị trường ngoại hối liên ngân hàng quốc tế, các công cụ phái sinh sử dụng trong quản trị rủi ro ngân hàng quốc tế, phân tích rủi ro quốc gia trong hoạt động ngân hàng quốc tế cũng sẽ được giới thiệu trong Học phần này.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

## Nhóm 2: Chọn 1 trong 4 học phần sau

### 13.51 Công nghệ tài chính

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường Tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này giúp cho học viên hiểu được những nội dung cơ bản trong lĩnh vực tài chính công nghệ (blockchains, cryptocurrency, smart contracts, peer-to-peer lending, crowdfunding...). Từ đó giúp cho người học vận dụng được các sản phẩm của tài chính công nghệ vào thực tế doanh nghiệp trong cách mạng công nghệ 4.0. Ngoài ra, người học cũng có khả năng phân tích ảnh hưởng của tài chính công nghệ đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Tài chính công nghệ là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng. Cách mạng công nghệ 4.0 và công nghệ blockchains mang lại nhiều dịch vụ tài chính hiện đại, sử dụng công nghệ nhằm tối ưu giá trị cho doanh nghiệp và

khách hàng. Tài chính công nghệ ngày càng phổ biến và dần thay thế mô hình tài chính truyền thống. Môn Tài chính công nghệ bao gồm các kiến thức cơ bản về xu hướng tài chính công nghệ, những sản phẩm chính của tài chính công nghệ và cách thức các doanh nghiệp áp dụng sản phẩm tài chính công nghệ để nâng cao hiệu quả tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

### 13.52 Ngân hàng số

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản của ngân hàng số như dữ liệu lớn (big data), chuỗi khối (blockchain), vạn vật kết nối internet (internet of things) và các chiến lược ngân hàng số; Hiểu được nguyên nhân dẫn đến xu hướng số hóa các hoạt động ngân hàng, cơ hội và thách thức đối với các thành phần tham gia cung cấp dịch vụ ngân hàng; Hiểu được nguyên nhân, thực trạng và xu hướng của ngân hàng số tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới; Hiểu được các thành phần tham gia vào quy trình số hóa các hoạt động ngân hàng, thách thức và cơ hội của từng đối tượng cũng như các yếu tố cần thiết để thành công và rào cản tham gia thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Ngân hàng số là xu hướng tất yếu và nằm trong mục tiêu chiến lược của hầu hết các ngân hàng trong kỷ nguyên số. Ba nguyên nhân chính của xu hướng số hóa các hoạt động ngân hàng là (1) sự gia tăng số lượng khách hàng sử dụng các thiết bị di động để thực hiện các dịch vụ ngân hàng; (2) nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong việc trải nghiệm các dịch vụ tài chính thông suốt, tiện lợi và chi phí thấp; (3) sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fintech) với các ưu thế về giá, mức độ tiện lợi. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về (1) nguyên nhân dẫn đến cuộc cách mạng số và sự cần thiết của việc số hóa các hoạt động ngân hàng; (2) các công nghệ số mà ngân hàng đang áp dụng hoặc sẽ áp dụng trong tương lai; (3) thực tế áp dụng công nghệ số tại các ngân hàng Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

### 13.53 Quản trị tài chính cá nhân

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu rõ các kiến thức về tài chính cá nhân liên quan đến tiết kiệm, vay, đầu tư và quản lý rủi ro. Đánh giá các hình thức lựa chọn trong đầu tư cá nhân. Ứng dụng được các lý thuyết, và các mô hình tài chính trong phân tích và ra các quyết định liên quan đến quản lý tài chính cá nhân. Đánh giá hiệu quả các khoản tài chính cá nhân.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này là Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức và công cụ giúp người học có khả năng hoạch định tài chính; phát triển một kế hoạch tài chính; lựa chọn và ra các quyết định tài chính liên quan đến chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư và quản lý rủi ro. Từ đó giúp người học chủ động thực hiện những quyết định tài chính, cũng như phát triển cơ hội nghề nghiệp trở thành một nhà tư vấn tài chính chuyên nghiệp trong các định chế tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

### 13.54 Kế toán ngân hàng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1; Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nguyên tắc, tổ chức công tác kế toán, môi trường pháp lý và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính trong lĩnh vực kế toán ngân hàng; So sánh được các đối tượng kế toán trong lĩnh vực kế toán ngân hàng; Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để thực hiện các quy trình kế toán cơ bản trong ngân hàng; Kiểm tra được quy trình cơ bản để xử lý nghiệp vụ kế toán đối với các tình huống được giả định trong lĩnh vực kế toán ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về xử lý các nghiệp vụ phát sinh phổ biến tại các Ngân hàng thương mại như: thu, chi tiền mặt, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, huy động vốn, cấp tín dụng, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán quốc tế và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

## Tốt nghiệp: 6 tín chỉ

### 13.55 Khóa luận tốt nghiệp

**Tín chỉ: 6**

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính- ngân hàng. Hoạt động thực tập được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động

tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Khoá luận tốt nghiệp để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,... liên quan đến Ngành Tài chính – Ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A); PLO8(A); PLO10(M)



PGS. TS Phạm Tiến Đạt

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CTĐT**

PGS. TS Nguyễn Thị Mỹ Linh